

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC VẤN ĐỀ LIÊN**  
**QUAN ĐẾN QUY ĐỊNH VỀ XÁC ĐỊNH HÀNG HÓA**  
**SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM**

*(Kèm theo Tờ trình số ...../TTr-BCT ngày .... tháng .... năm 2024  
của Bộ Công Thương)*

**HÀ NỘI – 2024**

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>3</b>
<b>I. Quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên .....</b>	<b>4</b>
1. Phân loại quy tắc xuất xứ hàng hóa .....	4
1.1. Quy tắc xuất xứ hàng hóa ưu đãi .....	5
1.2. Quy tắc xuất xứ hàng hóa không ưu đãi .....	5
2. Nội dung cơ bản về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong FTA.....	6
2.1. Tiêu chí phổ biến để xác định xuất xứ hàng hóa .....	6
2.2. Quy định bổ sung khác để xác định xuất xứ hàng hoá .....	12
<b>II. Quy định về ghi xuất xứ hàng hoá trên nhãn hàng hoá tại Việt Nam ....</b>	<b>18</b>
1. Quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP.....	18
2. Quy định cập nhật tại Nghị định số 111/2021/NĐ-CP .....	19
3. Quy định về ghi xuất xứ hàng hoá sản xuất tại Việt với một số lĩnh vực đặc thù.....	20
4. Đánh giá quy định ghi nhãn về xuất xứ hàng hoá tại Việt Nam.....	23
<b>III. Bất cập trong xác định và thể hiện xuất xứ hàng hóa sản xuất tại Việt Nam.....</b>	<b>24</b>
1. Tổ chức, cá nhân lúng túng khi xác định xuất xứ hàng hóa lưu thông trong nước.....	24
2. Cơ quan chức năng không có cơ sở để xử lý vi phạm .....	25
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>27</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

Để có cơ sở lý luận và thực tiễn để đưa ra bộ tiêu chí xác định hàng hoá sản xuất tại Việt Nam, Bộ Công Thương đã rà soát và đánh giá các quy định, cũng như thực trạng xác định hàng hoá sản xuất tại Việt Nam với các nội dung lớn tập trung bao gồm:

- Đánh giá hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam về xuất xứ hàng hoá, từ đó phân tích các quy định này có đáp ứng việc xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam hay không.
- Rà soát và đánh giá quy định hiện tại về hàng hóa sản xuất tại Việt Nam hay quy định về xác định xuất xứ hàng hóa Việt Nam đối với hàng lưu thông trong nước, đặc biệt là ghi nhãn về xuất xứ của hàng hoá, tại Việt Nam.
- Thực trạng áp dụng việc xác định xuất xứ hàng hóa đối với hàng lưu thông trong nước, những vướng mắc và khó khăn trong việc thể hiện xuất xứ Việt Nam hay hàng hoá sản xuất tại Việt Nam trên nhãn hàng hoá.

## **I. Quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên**

Hiệp định thương mại dự to (FTA) được xây dựng nhằm tăng cường giao dịch thương mại và hội nhập kinh tế hơn giữa các nền kinh tế tham gia FTA bằng cách tạo ra cho nhà xuất khẩu của các nước tham gia FTA cơ hội tiếp cận thị trường của các nước thành viên khác trong FTA, thông thường là bằng cách xóa bỏ thuế quan cho hầu hết các sản phẩm, mặc dù việc cắt giảm và xóa bỏ thuế quan có thể được tiến hành theo lộ trình. Kết quả là các dòng thuế mà một nước thành viên áp dụng theo FTA thường thấp hơn thuế MFN. Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong một FTA thường có mục tiêu:

(i) Sản phẩm có xuất xứ của các bên tham gia FTA được hưởng ưu đãi thuế quan theo các cam kết trong FTA.

(ii) Hàng hóa có xuất xứ ngoài FTA không được hưởng ưu đãi tương tự.

Trên thực tế, quy tắc xuất xứ hàng hóa thường có thể quyết định ở một mức độ đáng kể một FTA hạn chế hoặc tự do. Càng nhiều quy định mà các nhà sản xuất, nhà xuất khẩu phải đáp ứng để thỏa mãn Quy tắc xuất xứ hàng hóa thì hàng hóa xuất khẩu của họ có thể càng khó được hưởng ưu đãi từ FTA đó. Quy tắc xuất xứ hàng hóa cần cân bằng mục tiêu mở rộng các đối xử ưu đãi chỉ áp dụng cho hàng hóa có xuất xứ tại nước thành viên FTA, trong khi đảm bảo rằng hiệp định tạo điều kiện phát triển việc kinh doanh giữa các bên tham gia. Ngoài ra, quy tắc xuất xứ hàng hóa cũng góp phần thúc đẩy doanh nghiệp hiểu rõ hơn quy trình sản xuất của mình và liệu quy trình sản xuất này có thể được điều chỉnh, nếu cần, để đáp ứng quy tắc xuất xứ.

### **1. Phân loại quy tắc xuất xứ hàng hóa**

***Trên cơ sở tiêu chí xuất xứ***, quy tắc xuất xứ hàng hóa được phân loại thành quy tắc xuất xứ thuần túy và quy tắc xuất xứ không thuần túy.

+ *Xuất xứ thuần túy* là thuật ngữ áp dụng khi hàng hóa hoàn toàn được sản xuất ra tại một quốc gia. Đa số các quy tắc về xuất xứ thuần túy trên thế giới đều giống nhau về nội dung, và chủ yếu liên quan tới các mặt hàng nông lâm thủy hải sản và khoáng sản.

+ *Xuất xứ không thuần túy* là xuất xứ hàng hóa có thành phần nhập khẩu. Trường hợp này xảy ra khi có nhiều hơn một quốc gia tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa và hàng hóa phải trải qua quá trình “chuyển đổi cơ bản” đủ để được coi là có xuất xứ. Mức độ “chuyển đổi cơ bản” thường căn cứ vào sự chuyển đổi mã số HS (CTC), hàm lượng giá trị gia tăng hay hàm lượng giá trị khu vực (RVC) hoặc công đoạn gia công cụ thể (SP).

***Trên cơ sở mục đích sử dụng***, quy tắc xuất xứ hàng hóa có thể chia thành quy tắc xuất xứ ưu đãi và không ưu đãi. Chương II và chương III, Nghị định số

31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa. Theo đó, *quy tắc xuất xứ ưu đãi là các quy định về xuất xứ áp dụng cho hàng hóa có thoả thuận ưu đãi về thuế quan và ưu đãi về phi thuế quan. Quy tắc xuất xứ không ưu đãi là các quy định về xuất xứ áp dụng cho hàng hóa trong các trường hợp như các biện pháp thương mại không ưu đãi về đối xử tối huệ quốc, chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ, hạn chế số lượng hay hạn ngạch thuế quan, mua sắm chính phủ và thống kê thương mại.*

### ***1.1. Quy tắc xuất xứ hàng hóa ưu đãi***

*Quy tắc xuất xứ hàng hóa theo các Điều ước quốc tế*

Đây là loại quy tắc xuất xứ phổ biến và mang lại nhiều lợi ích về hưởng ưu đãi thuế quan đặc biệt trong các FTA. Việt Nam đã tham gia và ký kết hơn 12 FTA, đã và đang thực thi việc cấp 12 loại C/O ưu đãi cho hàng xuất khẩu của Việt Nam với điều kiện đáp ứng Chương Quy tắc xuất xứ tương ứng của mỗi FTA theo quy định của Bộ Công Thương hướng dẫn các các Điều ước quốc tế này. Đến nay, Bộ Công Thương đã ban hành 27 văn bản quy phạm pháp luật quy định thực hiện quy tắc xuất xứ ưu đãi trong 12 FTA và các Thông tư sửa đổi, bổ sung.

*Quy tắc xuất xứ ưu đãi theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) và các ưu đãi đơn phương khác*

Loại quy tắc này được hiểu là quy tắc xuất xứ một chiều, do nước nhập khẩu dành ưu đãi GSP cho các nước được thụ hưởng, trong đó có Việt Nam. Hàng hóa Việt Nam nếu đáp ứng quy tắc xuất xứ do các nước EU, Nhật, Thổ Nhĩ Kỳ v.v... quy định và được cấp C/O mẫu A hoặc một số C/O đơn phương khác sẽ được hưởng thuế GSP khi nhập khẩu vào các nước này. Thông thường cơ quan, tổ chức cấp C/O và doanh nghiệp tự tìm hiểu, cập nhật loại quy tắc xuất xứ này để áp dụng trong thực tế.

### ***1.2. Quy tắc xuất xứ hàng hóa không ưu đãi***

Theo Hiệp định về Quy tắc xuất xứ trong WTO, mỗi nước thành viên WTO cần phải có quy định riêng về quy tắc xuất xứ, được phân loại thành quy tắc xuất xứ không ưu đãi, sử dụng C/O không ưu đãi để hàng xuất khẩu của mình được áp thuế suất tối huệ quốc (MFN) khi xuất sang các nước thành viên WTO khác. Loại thuế này thường cao hơn mức thuế suất ưu đãi đặc biệt FTA. Hiện đa phần cơ quan hải quan các nước thành viên WTO không yêu cầu phải nộp C/O không ưu đãi mới được hưởng thuế suất MFN, tuy nhiên doanh nghiệp Việt Nam vẫn có thói quen sử dụng để minh bạch, đảm bảo về xuất xứ cho lô hàng của mình.

Chính vì mức thuế suất MFN thường cao hơn mức thuế suất FTA theo từng nhóm ngành hàng, quy tắc xuất xứ không ưu đãi được xây dựng lỏng hơn so với

quy tắc xuất xứ ưu đãi trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập. Chương III Nghị định số 31/2018/NĐ-CP quy định quy tắc xuất xứ không ưu đãi của Việt Nam cụ thể về hàng hóa có xuất xứ thuần túy, hàng hóa có xuất xứ không thuần túy, các công đoạn gia công chế biến đơn giản, tỷ lệ *De minimis*, các yếu tố gián tiếp...

Riêng đối với hàng hóa có xuất xứ không thuần túy, danh mục quy tắc cụ thể mặt hàng theo từng dòng HS 6 số của 97 Chương trong Biểu thuế đã được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là Thông tư số 05/2018/TT-BCT). Doanh nghiệp xuất khẩu hàng đi từ Việt Nam nếu đáp ứng tiêu chí xuất xứ quy định tại Phụ lục này và các quy tắc xuất xứ không ưu đãi của Nghị định số 31/2018/NĐ-CP sẽ được cấp C/O không ưu đãi hay còn gọi là C/O mẫu B của Việt Nam.

## 2. Nội dung cơ bản về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong FTA

Chương Quy tắc xuất xứ tại các FTA thường có quy định về (1) các tiêu chí, điều kiện xác định xuất xứ hàng hóa, (2) quy tắc mặt hàng cụ thể - PSR và (3) thủ tục cấp, kiểm tra xuất xứ (OCP) và/hoặc cơ chế chứng nhận xuất xứ.

### 2.1. Tiêu chí phổ biến để xác định xuất xứ hàng hóa

Hàng hóa đáp ứng quy tắc xuất xứ được coi là “hàng hóa có xuất xứ”. “Hàng hóa có xuất xứ” bao gồm “hàng hóa có xuất xứ thuần túy” và “hàng hóa có xuất xứ không thuần túy”.

#### 2.1.1. Hàng hóa có xuất xứ thuần túy

Hàng hóa được coi là có xuất xứ thuần túy khi được sản xuất hoàn toàn ở nước xuất khẩu từ những nguyên liệu được sản xuất ở nước đó. Hàng hóa có xuất xứ thuần túy thường là khoáng sản, các sản phẩm nông nghiệp cơ bản, hải sản được khai thác tại một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ.

Ví dụ: Quy định về hàng hóa có xuất xứ thuần túy tại một số FTA

- Cây trồng:

Hiệp định	Quy tắc xuất xứ	Ghi chú
AJCEP và VJEPA	được trồng và thu hoạch, hái hoặc thu lượm tại nước thành viên đó.	“Cây trồng” ở đây nghĩa là tất cả các loại thực vật, bao gồm cây ăn quả, hoa, rau cỏ, rong biển, nấm và thực vật sống.

Hiệp định	Quy tắc xuất xứ	Ghi chú
AKFTA	được thu hoạch, hái hoặc thu lượm sau khi được trồng tại đó.	
VKFTA	được trồng và thu hoạch tại đó.	

- Động vật sống:

Hiệp định	Quy tắc xuất xứ	Ghi chú
AJCEP và VJEPA	được sinh ra và nuôi dưỡng tại nước thành viên đó.	“Động vật sống” được nhắc đến tại các điểm 3.1.2 và khoản 3.1.3 nghĩa là tất cả các loại động vật sống, bao gồm động vật có vú, chim, cá, động vật giáp xác, động vật thân mềm, loài bò sát, vi khuẩn và vi rút
AKFTA và VKFTA	được sinh ra và nuôi dưỡng tại đó.	

- Các sản phẩm thu được từ động vật sống tại nước thành viên đó.

- Sản phẩm thu được từ:

Hiệp định	Quy tắc xuất xứ
AJCEP và VJEPA	săn bắn, đặt bẫy, đánh bắt, thu lượm hoặc săn bắt tại nước thành viên đó.
AKFTA	săn bắn, đặt bẫy, đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản, thu lượm hoặc săn bắt tại đó.
VKFTA	săn bắn hoặc đặt bẫy tại vùng đất của nước thành viên đó, hoặc được đánh bắt hay nuôi trồng trong vùng nội thủy hoặc tại lãnh hải của nước thành viên đó

- Khoáng sản và các chất sản sinh tự nhiên khác chưa được liệt kê từ khoản 1 đến khoản 4, được chiết xuất hoặc lấy ra từ đất, vùng biển, đáy biển hoặc dưới đáy biển của nước thành viên đó;

- Sản phẩm đánh bắt từ vùng biển, đáy biển hoặc dưới đáy biển bên ngoài lãnh hải của nước thành viên đó, với điều kiện là nước thành viên đó có quyền

khai thác vùng biển, đáy biển và dưới đáy biển đó theo pháp luật của nước thành viên đó và theo pháp luật quốc tế.

- Sản phẩm đánh bắt và các sản phẩm từ biển khác đánh bắt từ vùng biển cả bằng tàu được đăng ký tại một nước thành viên và treo cờ của nước đó;

- Sản phẩm được chế biến và/hoặc được sản xuất ngay trên tàu chế biến của nước thành viên chỉ từ các sản phẩm đã nêu tại khoản 7;

Hiệp định	Ghi chú
AJCEP và VJEPA	<p>“Tàu chế biến của nước thành viên” hoặc “tàu của nước thành viên” là tàu:</p> <p>a) Được đăng ký tại nước thành viên đó;</p> <p>b) Được phép treo cờ của nước thành viên đó;</p> <p>c) Ít nhất 50% thuộc sở hữu của cá nhân của một hay nhiều nước thành viên, hoặc thuộc sở hữu của một pháp nhân có trụ sở chính đặt tại một nước thành viên, trong đó các đại diện, chủ tịch hội đồng quản trị và đa phần các thành viên của hội đồng quản trị đó là công dân của một hay nhiều nước thành viên, và ít nhất 50% cổ tức thuộc sở hữu của cá nhân hoặc pháp nhân của một hoặc nhiều nước thành viên; và</p> <p>d) Có ít nhất 75% trong tổng số thuyền trưởng, sĩ quan và thủy thủ trên tàu là công dân của một hay nhiều nước thành viên;</p>
AKFTA và VKFTA	bằng tàu được đăng ký tại một nước thành viên và có treo cờ của nước đó.

- Các sản phẩm được khai thác từ không gian vũ trụ với điều kiện phải do một nước thành viên hoặc một người của nước thành viên đó thực hiện; (*Quy tắc này chỉ quy định trong AKFTA và VKFTA*).

- Các vật phẩm được thu lượm ở nước thành viên đó nhưng không còn thực hiện được chức năng ban đầu hoặc không thể sửa chữa hay khôi phục được và chỉ có thể vứt bỏ, lấy làm phụ tùng hoặc làm nguyên liệu thô, hoặc sử dụng vào mục đích tái chế;

- Phế thải và phế liệu có nguồn gốc từ:

a) quá trình sản xuất tại nước thành viên xuất khẩu; hoặc

b) sản phẩm đã qua sử dụng được thu nhập tại nước thành viên xuất khẩu, với điều kiện hàng hóa đó chỉ phù hợp với làm nguyên vật liệu thô;



- Hàng hoá thu được hoặc được sản xuất tại nước thành viên đó từ các hàng hoá được quy định từ mục 1 đến mục 12 của phần này.

### 2.1.2. Hàng hóa có xuất xứ không thuần túy

Hàng hóa được coi là có xuất xứ không thuần túy khi được cấu tạo từ nguyên liệu hoặc phụ tùng có nguồn gốc ở nước thứ ba sau khi trải qua quá trình chuyển đổi cơ bản. Sản phẩm không trải qua quá trình chuyển đổi cơ bản ở nước xuất khẩu là hàng hóa không có xuất xứ và không được hưởng ưu đãi FTA.

Hàng hóa đáp ứng các quy tắc xuất xứ được gọi là “hàng hóa có xuất xứ”. “Hàng hóa được sản xuất toàn bộ” và hàng hóa trải qua “quá trình chuyển đổi cơ bản” được coi là hàng hóa có xuất xứ.

Hàng hóa nói chung được coi là được sản xuất toàn bộ khi được làm hoàn toàn từ nguyên liệu cũng như được thực hiện toàn bộ tại nước xuất khẩu (ví dụ hàng hóa được trồng, sinh ra và lớn lên, thu hoạch, hoặc chiết suất tại một nước thành viên FTA theo quy định tại điều khoản về hàng hóa có xuất xứ thuần túy). Khoáng sản xuất khẩu, sản phẩm nông nghiệp và hải sản thu được trong quốc gia đó được coi là hàng có xuất xứ thuần túy.

Hàng hóa không có xuất xứ là hàng hóa không đáp ứng các yêu cầu về quy tắc xuất xứ trong FTA. Nguyên liệu hoặc hàng hóa không có xuất xứ từ một nước không phải là thành viên FTA hoặc được sản xuất tại một nước thành viên FTA nhưng không trải qua quá trình sản xuất đủ để chuyển đổi cơ bản bản chất hàng hóa thì không đáp ứng được các tiêu chí xuất xứ.

Hàng hóa không có xuất xứ thì không được hưởng ưu đãi về thuế quan trong FTA.

Ngoài các tiêu chí, điều kiện dẫn trên, quy tắc xuất xứ tại các FTA thường có các quy định về công đoạn gia công đơn giản không được xét đến khi xác định xuất xứ, việc xét xuất xứ của nguyên liệu trung gian, xuất xứ của bao bì, phụ tùng, phụ kiện, tỷ lệ linh hoạt đối với nguyên liệu không đáp ứng quy định xuất xứ, ...

### 2.1.3 Quy tắc cụ thể mặt hàng

Trong FTA, quy định về Quy tắc cụ thể mặt hàng được thể hiện tại Phụ lục Quy tắc cụ thể mặt hàng (Product Specific Rule - PSR). Theo đó, PSR là tiêu chí cụ thể áp dụng với mỗi dòng thuế trong Hệ thống hài hòa về mô tả và mã hóa hàng hóa (HS). Quy tắc cụ thể mặt hàng quy định các nguyên liệu được dùng để sản xuất ra hàng hóa phải:

- trải qua quá trình chuyển đổi mã số hàng hóa (Change in Tariff Classification -CTC);
- đáp ứng tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực (Regional Value Content - RVC);

- hoàn thành công đoạn gia công chế biến cụ thể; hoặc
- đáp ứng sự kết hợp giữa các tiêu chí trên.

*a) Chuyển đổi mã số hàng hóa (CTC)*

Khái niệm CTC có nghĩa là một nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa phải có phân loại mã số hàng hóa trong HS khác với hàng hóa cuối cùng mà nguyên liệu đó được dùng để sản xuất ra. Nguyên liệu không có xuất xứ đó phải trải qua quá trình chuyển đổi mã số hàng hóa cụ thể tại nước xuất khẩu là thành viên FTA để được coi là có xuất xứ từ nước xuất khẩu. Yêu cầu về tiêu chí xuất xứ CTC chỉ áp dụng đối với các nguyên liệu không có xuất xứ.

*b) Hàm lượng giá trị khu vực (RVC) hoặc (LVC)*

Hàm lượng giá trị khu vực (RVC) là một mức tương đương với tỷ lệ phần trăm của giá trị FOB của hàng xuất khẩu. Theo tiêu chí RVC, một tỷ lệ nhất định giá trị cuối cùng của hàng hóa phải được xuất phát từ các nước thành viên của FTA.

- Công thức gián tiếp:

$$\text{RVC hoặc LVC} = \frac{\text{FOB} - \text{VNM}}{\text{FOB}} \times 100\%$$

<b>RVC/LVC</b>	Là Hàm lượng Giá trị Khu vực/Tỷ lệ phần trăm giá trị, thể hiện bằng %
<b>FOB</b>	Là giá Giao hàng lên Mạn tàu, bao gồm chi phí sản xuất và vận chuyển hàng hóa đến cảng hoặc điểm cuối để đưa hàng ra nước ngoài
<b>VNM - Trị giá nguyên vật liệu không có xuất xứ</b>	Là trị giá của Chi phí sản xuất - Bảo hiểm - Cước vận tải (CIF) tại thời điểm nhập khẩu hoặc giá phải trả được xác định sớm nhất cho tất cả thành phần nguyên vật liệu không xuất xứ hoặc quá trình sản xuất trong quy trình nhà sản xuất sản xuất hàng hóa. Nguyên vật liệu không xuất xứ gồm nguyên vật liệu không xác định được xuất xứ nhưng không bao gồm nguyên vật liệu tự sản xuất.

- Công thức trực tiếp

Công thức trực tiếp sử dụng tử số được xác định bằng tổng của giá trị nguyên liệu đầu vào có xuất xứ. Công thức này có thể quản lý đơn giản đối với

nhà sản xuất mua thành phần bộ phận chính hàng hóa có xuất xứ. Những nhà sản xuất như thế này chỉ cần chứng minh nguyên vật liệu chính có xuất xứ đạt được hạn mức yêu cầu là đủ. Công thức này không yêu cầu nhất thiết mua đầy kho nguyên vật liệu và xác định tình trạng xuất xứ hay không xuất xứ của nguyên liệu. Tuy nhiên, công thức này có thể gặp khó khăn khi sử dụng nếu phải tính toán đầy đủ giá trị nguyên liệu đầu vào.

$$RVC = \frac{\text{Trị giá NVL có xuất xứ FTA} + \text{Chi phí Lao động} + \text{Chi phí Quản lý} + \text{Lợi nhuận} + \text{Chi phí khác}}{\text{FOB}} \times 100\%$$

Trong đó:

- RVC** Là Hàm lượng Giá trị Khu vực, thể hiện bằng %
- FOB** là giá trị hàng hóa được giao trên boong tàu, bao gồm chi phí vận chuyển tới cảng hoặc tại địa điểm giao hàng cuối cùng tại nước ngoài
- Giá NVL có xuất xứ FTA** là giá trị của nguyên vật liệu xuất xứ, những bộ phận được sản xuất hoặc quá trình sản xuất trong quá trình tạo ra hàng hóa của nhà sản xuất
- Chi phí Lao động** gồm lương, thưởng và những lợi ích khác của người lao động
- Chi phí Quản lý** là tổng chi phí trong quá trình sản xuất hàng hóa. Trong kinh doanh, chi phí quản lý bao gồm các chi phí liên quan đến việc vận hành sản xuất của doanh nghiệp; chi phí này cũng được gọi theo cách khác là “chi phí vận hành”. Ví dụ như tiền thuê nhà xưởng, tiền gas và điện.
- Chi phí khác** là chi phí phải chịu trong quá trình vận chuyển hàng hóa lên tàu hoặc phương tiện khác trong quá trình xuất khẩu, bao gồm, nhưng không giới hạn với, chi phí vận chuyển trong nước, nhà kho, bốc xếp hàng tại cảng, chi phí môi giới và phí dịch vụ.

*c) Công đoạn gia công chế biến cụ thể*

Quy tắc xuất xứ về công đoạn gia công chế biến cụ thể quy định việc hàng hóa được coi là có xuất xứ khi các nguyên liệu không có xuất xứ phải trải qua quá trình gia công hoặc chế biến cụ thể tại một nước thành viên của FTA.

**2.1.4. Quy định đối với một số hàng hóa đặc biệt**

Hàng hóa liệt kê tại Phụ lục IV (Chương quy tắc xuất xứ của AKFTA) hoặc Phụ lục III (Chương quy tắc xuất xứ của VKFTA) được coi là có xuất xứ mặc dù được sản xuất, gia công chế biến tại khu vực bên ngoài lãnh thổ của Hàn Quốc và các nước thành viên ASEAN (ví dụ khu công nghiệp) bằng nguyên liệu xuất khẩu từ một nước thành viên, sau đó thành phẩm được tái nhập trở lại nước thành viên đó. Việc áp dụng Điều này, bao gồm danh mục các sản phẩm và các thủ tục cụ thể có liên quan, sẽ được thực hiện khi có sự đồng thuận của tất cả các nước thành viên.

*Quy tắc này chỉ có trong AKFTA và VKFTA và áp dụng đối với hàng hóa sản xuất trong Khu công nghiệp Khai Thành (Bắc Triều Tiên).*

**2.2. Quy định bổ sung khác để xác định xuất xứ hàng hoá**

**2.2.1 Quy tắc De Minimis**

Hàng hóa không thoả mãn tiêu chí CTC vẫn được coi là hàng hoá có xuất xứ của một nước thành viên nếu tổng trị giá của nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa không đạt tiêu chí xuất xứ CTC không vượt quá tỷ lệ *De Minimis*:

<b>Hiệp định</b>	<b>Hàng hóa</b>	<b>Tỷ lệ De Minimis</b>
AJCEP và VJEPA	Thuộc các chương 16, 19, 20, 22, 23, từ chương 28 đến chương 49, và từ chương 64 đến chương 97 của Hệ thống Hải hoà.	10% trị giá FOB
	Thuộc từ chương 50 đến chương 63 của Hệ thống Hải hoà.	10% tổng trọng lượng
AJCEP	Thuộc các chương 18 và 21 của Hệ thống Hải hoà.	7% hoặc 10% trị giá FOB
VJEPA	Thuộc các chương 9, 18 và 21 của Hệ thống Hải hoà.	7% hoặc 10% trị giá FOB
AKFTA và VKFTA	Không thuộc từ chương 50 đến chương 63 của Hệ thống Hải hoà.	10% trị giá FOB

Hiệp định	Hàng hóa	Tỷ lệ De Minimis
	Thuộc từ chương 50 đến chương 63 của Hệ thống Hải hoà.	10% tổng trọng lượng

### 2.2.2. Quy tắc về Cộng gộp

Nguyên liệu có xuất xứ của một nước thành viên được sử dụng để sản xuất ra hàng hoá ở một nước thành viên khác được coi là nguyên liệu có xuất xứ của nước thành viên nơi diễn ra công đoạn gia công, chế biến hàng hoá.

Chúng tôi đối với những trường hợp cộng gộp:

Hiệp định	Quy tắc về Cộng gộp
AKFTA và VKFTA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không nêu quy định cụ thể về chứng từ đối với những trường hợp cộng gộp.</li> <li>- Tuy nhiên, cơ quan hải quan Hàn Quốc chỉ chấp thuận cộng gộp đối với những nguyên liệu nhập khẩu có xuất xứ, được cấp C/O mẫu AK hoặc VK từ các nước thành viên.</li> </ul>
AJCEP và VJEPA	<p>Nếu cần thiết phải có chứng từ chứng minh cho việc cấp C/O hoặc cho việc kiểm tra để chứng minh rằng nguyên liệu được cộng gộp trong quá trình sản xuất hàng hóa là nguyên liệu có xuất xứ của một nước thành viên, những chứng từ sau có thể được sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Khai báo của nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất hàng hóa;</li> <li>b) Hóa đơn thương mại;</li> <li>c) Bản sao của C/O đã cấp cho nguyên liệu do nước thành viên xuất khẩu nguyên liệu cấp, kể cả bản sao của C/O cấp sau; hoặc</li> <li>d) Bất kỳ chứng từ nào có liên quan khác.</li> </ul>

### 2.2.3. Quy định về những Công đoạn gia công chế biến đơn giản

Những công đoạn gia công, chế biến dưới đây, khi được thực hiện riêng rẽ hoặc kết hợp với nhau, được xem là đơn giản và không được xét đến khi xác định xuất xứ hàng hóa tại lãnh thổ của một nước thành viên:

STT	Công đoạn gia công chế biến đơn giản	Hiệp định			
		AJ	VJ	AK	VK
1	Những công đoạn bảo quản hàng hóa trong điều kiện tốt trong quá trình vận chuyển và lưu kho	√	√	√	√
2	Thay đổi bao bì, tháo dỡ và lắp ghép các kiện hàng	√	√	√	√
3	Tháo rời	√	√	√	√
4	Đóng vào chai, thùng, hộp và các công đoạn đóng gói bao bì đơn giản khác	√	√	√	√
5	Tập hợp các phần và bộ phận được phân loại như là một hàng hoá theo Quy tắc 2(a) của Quy tắc chung về Giải thích Hệ thống Hải hoà	√	√		
6	Lắp ráp đơn giản các bộ phận của hàng hóa			√	√
7	Rửa, lau chùi, tẩy bụi và các chất oxít, dầu, sơn hoặc các chất trắng, phủ bề mặt khác một cách đơn giản			√	√
8	Là hoặc ép thẳng vải			√	√
9	Sơn và các công đoạn đánh bóng một cách đơn giản			√	√
10	Xay xát, bóc vỏ, tẩy trắng một phần hoặc toàn bộ, đánh bóng và làm láng ngũ cốc và gạo			√	√
11	Nhuộm màu đường hoặc tạo đường miéng			√	√
12	Bóc vỏ, trích hạt, hoặc làm tróc hạt một cách đơn giản			√	√
13	Mài sắc, mài giữa đơn giản hoặc cắt đơn giản			√	√
14	Giàn, sàng, lựa chọn, phân loại, xếp loại hoặc xếp nhóm			√	√
15	Dán hoặc in nhãn, mác hoặc lô-gô và các dấu hiệu phân biệt tương tự lên sản phẩm hoặc lên bao bì của sản phẩm			√	√

STT	Công đoạn gia công chế biến đơn giản	Hiệp định			
		AJ	VJ	AK	VK
16	Trộn đơn giản các sản phẩm, dù cùng loại hay khác loại			√	√
17	Kiểm tra hoặc thử nghiệm một cách đơn giản			√	√
18	Giết mổ động vật			√	√
19	Kết hợp những công đoạn nêu trên	√	√	√	√

#### 2.2.4. Quy định về Vận chuyển trực tiếp

Hàng hoá phải được vận chuyển trực tiếp từ lãnh thổ của nước thành viên xuất khẩu tới lãnh thổ của nước thành viên nhập khẩu.

Hàng hóa trong quá trình vận chuyển từ nước thành viên xuất khẩu đến nước thành viên nhập khẩu phải quá cảnh qua một hay nhiều nước trung gian vẫn được coi là vận chuyển trực tiếp, với điều kiện:

Hiệp định	Quy định về Vận chuyển trực tiếp
AJCEP và VJEPA	Hàng hóa chỉ quá cảnh hoặc lưu kho tạm thời, dỡ hàng, bốc lại hàng, và những công việc khác nhằm bảo quản hàng hoá trong tình trạng tốt.
AKFTA và VKFTA	a) Việc quá cảnh là vì lý do địa lý hoặc lý do yêu cầu về vận tải; b) Hàng hoá không tham gia vào giao dịch thương mại hoặc tiêu thụ tại đó; c) Hàng hoá không trải qua bất kỳ công đoạn nào khác, ngoài việc dỡ hàng và xếp lại hàng hoặc những công việc nhằm bảo quản hàng hoá.

#### 2.2.5. Quy định về Vật liệu đóng gói và bao bì

a) Vật liệu đóng gói và bao gói để chuyên chở và vận chuyển hàng hóa sẽ không được tính đến khi xác định xuất xứ của hàng hóa.

b) Trong trường hợp xác định xuất xứ hàng hóa theo tiêu chí RVC, trị giá của vật liệu đóng gói và bao bì chứa đựng hàng hóa dùng để bán lẻ sẽ được xét đến như là nguyên liệu có xuất xứ hoặc nguyên liệu không có xuất xứ, tùy theo từng trường hợp, khi tính hàm lượng RVC của hàng hóa.

*Có nghĩa là: Trường hợp vật liệu đóng gói và bao bì có xuất xứ, trị giá của vật liệu đóng gói và bao bì này sẽ được coi là nguyên liệu có xuất xứ khi tính RVC và ngược lại.*

c) Vật liệu đóng gói và bao bì chứa đựng hàng hóa dùng để bán lẻ, khi được phân loại cùng với hàng hóa đó, sẽ không được tính đến khi xác định xuất xứ hàng hoá theo tiêu chí CTC.

**2.2.6. Quy định về Phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ và tài liệu hướng dẫn hoặc tài liệu mang tính thông tin khác**

<b>Hiệp định</b>	<b>Quy định về Phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ và tài liệu hướng dẫn hoặc tài liệu mang tính thông tin khác</b>
AJCEP và VJEPA	<p>1. Trường hợp xác định xuất xứ hàng hóa theo tiêu chí CTC hoặc tiêu chí công đoạn gia công chế biến hàng hoá, xuất xứ của các phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ và các tài liệu hướng dẫn hoặc tài liệu mang tính thông tin khác đi kèm theo hàng hoá đó sẽ không được tính đến khi xác định xuất xứ hàng hóa, với điều kiện là:</p> <p style="padding-left: 40px;">a) Các phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ và các tài liệu hướng dẫn hoặc tài liệu mang tính thông tin khác được lập hóa đơn chung với hàng hóa;</p> <p style="padding-left: 40px;">b) Các phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ và các tài liệu hướng dẫn hoặc tài liệu mang tính thông tin khác có số lượng và trị giá phù hợp với hàng hóa.</p> <p>2. Trường hợp xác định xuất xứ hàng hóa theo tiêu chí RVC, trị giá của các phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ và các tài liệu hướng dẫn hoặc tài liệu mang tính thông tin khác đi kèm theo hàng hoá đó sẽ được tính là giá trị nguyên liệu có xuất xứ hoặc giá trị nguyên liệu không có xuất xứ, tùy theo từng trường hợp, khi tính hàm lượng RVC của hàng hóa có xuất xứ.</p>
AKFTA và VKFTA	<p>Xuất xứ của các phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ và các tài liệu hướng dẫn hoặc tài liệu mang tính thông tin khác đi kèm theo hàng hoá không được tính đến khi xác định xuất xứ hàng hoá đó, với điều kiện các phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ và các tài liệu hướng dẫn hoặc tài liệu mang tính thông tin này được phân loại cùng với hàng hóa và thuế nhập khẩu được nước thành viên nhập khẩu thu cùng với hàng hoá đó.</p>



### 2.2.7. Quy định về Các yếu tố gián tiếp

Các yếu tố gián tiếp được coi là nguyên liệu có xuất xứ cho dù chúng được sản xuất từ bất kỳ nơi nào.

“*Các yếu tố gián tiếp*” là những yếu tố được sử dụng trong quá trình sản xuất, kiểm tra, hoặc thử nghiệm hàng hóa nhưng không cấu thành hàng hóa đó, hoặc là những yếu tố được sử dụng trong việc bảo dưỡng nhà xưởng hoặc vận hành thiết bị có liên quan tới việc sản xuất hàng hóa, bao gồm:

- a) Nhiên liệu và năng lượng;
- b) Dụng cụ, khuôn rập và khuôn đúc;
- c) Phụ tùng và nguyên liệu dùng để bảo dưỡng thiết bị và nhà xưởng;
- d) Dầu nhờn, chất bôi trơn, hợp chất và các nguyên liệu khác dùng trong sản xuất hoặc dùng để vận hành thiết bị và nhà xưởng;
- đ) Găng tay, kính, giày dép, quần áo, các thiết bị an toàn;
- e) Các thiết bị, dụng cụ và máy móc dùng để kiểm tra hoặc thử nghiệm hàng hoá;
- g) Chất xúc tác và dung môi (*quy định này chỉ áp dụng trong AJEPA và VJEPA*);
- h) Bất kỳ nguyên liệu nào khác không cấu thành hàng hóa nhưng việc sử dụng chúng phải được chứng minh là cần thiết trong quá trình sản xuất ra hàng hóa đó.

### 2.2.8. Quy định về Nguyên vật liệu giống nhau và có thể thay thế nhau

<b>Hiệp định</b>	<b>Quy định về Nguyên vật liệu giống nhau</b>
AJCEP và VJEPA	Việc xác định nguyên vật liệu giống nhau và có thể thay thế nhau có phải là nguyên vật liệu có xuất xứ hay không sẽ được thực hiện bằng việc áp dụng các nguyên tắc kế toán về quản lý kho đang được sử dụng rộng rãi trong thực tế tại nước thành viên xuất khẩu.
AKFTA và VKFTA	<p>1. Việc xác định xuất xứ của các nguyên liệu hoặc hàng hóa giống nhau và có thể thay thế nhau có thể dựa vào các nguyên tắc, quy tắc và thông lệ kế toán về quản lý tài sản tồn kho đang được áp dụng rộng rãi tại lãnh thổ của nước thành viên xuất khẩu.</p> <p>2. Khi đã quyết định sử dụng một phương pháp kế toán về quản lý tài sản tồn kho nào thì phương pháp này phải được sử dụng suốt trong năm tài chính đó.</p>

## II. Quy định về ghi xuất xứ hàng hoá trên nhãn hàng hoá tại Việt Nam

### 1. Quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP

Nhằm bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, ngày 14 tháng 4 năm 2017 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa. Theo quy định của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP, mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa tại Việt Nam hoặc nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam đều phải ghi nhãn cho hàng hóa, trừ một số trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 1 của Nghị định.

Điều 10 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP quy định nhãn hàng hóa phải thể hiện một số nội dung bắt buộc, bao gồm: tên hàng hóa; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa; **xuất xứ hàng hóa** và các nội dung khác tùy theo tính chất của mỗi loại hàng hóa.

Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu tự xác định và tự ghi xuất xứ đối với hàng hóa của mình trên nguyên tắc bảo đảm trung thực, chính xác, tuân thủ các quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa hoặc các hiệp định mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP quy định cách ghi xuất xứ hàng hóa bao gồm: ghi cụm từ “sản xuất tại” hoặc “chế tạo tại”, “nước sản xuất”, “xuất xứ” hoặc “sản xuất bởi” kèm theo tên nước hoặc vùng lãnh thổ sản xuất ra hàng hóa đó.

Từ khi Nghị định số 43/2017/NĐ-CP có hiệu lực, hoạt động quản lý nhà nước về nhãn hàng hóa đối với hàng hóa lưu thông tại Việt Nam, hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường được thực hiện thống nhất, đồng bộ theo đúng quy định của pháp luật. Những quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP được các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp đánh giá là đã tạo cơ sở pháp lý để thực hiện công tác quản lý nhà nước, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chống hàng lậu, hàng giả, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong việc ghi nhãn hàng hóa, minh bạch hàng hóa của mình trước khi đưa hàng hóa lưu thông trên thị trường; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về nhãn hàng hóa; đồng thời góp phần giúp người tiêu dùng lựa chọn các sản phẩm, hàng hóa phù hợp trong đời sống, phục vụ nhu cầu thiết yếu và sinh hoạt hàng ngày.

Nghị định cơ bản đã quy định chi tiết nội dung, cách ghi và quản lý nhà nước về nhãn đối với hàng hóa lưu thông, hàng hóa nhập khẩu. Đồng thời, việc xử phạt vi phạm hành chính về nhãn hàng hóa đã được quy định tại Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa

đã tạo thuận lợi trong công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra và xử lý khi phát hiện các hành vi vi phạm về nhãn hàng hóa.

Đa số các doanh nghiệp, hiệp hội đều có ý kiến cho rằng các quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP hiện đã tháo gỡ nhiều khó khăn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu và giao lưu thương mại quốc tế.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực là tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, nguyên tắc tự xác định và tự chịu trách nhiệm về ghi nước xuất xứ trên nhãn hàng hóa cũng đã làm phát sinh một số bất cập, đặc biệt trong bối cảnh thực tiễn sản xuất và thương mại tại Việt Nam và thế giới đang có những bước phát triển mới. Đó là pháp luật hiện hành gần như chưa có các quy định cụ thể làm thế nào để xác định một hàng hóa là hàng hóa của Việt Nam hoặc sản xuất tại Việt, hay nói cách khác xuất xứ Việt Nam của hàng hóa, đối với hàng hóa lưu thông tại thị trường trong nước.

## **2. Quy định cập nhật tại Nghị định số 111/2021/NĐ-CP**

Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý nhãn hàng hóa, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, chống hàng giả, gian lận thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và những doanh nghiệp kinh doanh chân chính trong bối cảnh phát triển nền kinh tế nước ta hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới giai đoạn hiện nay. Đồng thời, triển khai thực hiện Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2019 về một số biện pháp cấp bách nhằm tăng cường quản lý nhà nước về phòng chống gian lận xuất xứ, chuyển tải hàng hóa bất hợp pháp, Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 43/2017/NĐ-CP đã quy định điều chỉnh ghi nhãn hàng hóa đối với hàng xuất khẩu, cách ghi xuất xứ hàng xuất khẩu và thể hiện nội dung bắt buộc trên nhãn gốc hàng hóa nhập khẩu. Cụ thể khoản 7 Điều 1 Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP như sau:

### ***“Điều 15. Xuất xứ hàng hóa***

***1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu tự xác định và ghi xuất xứ hàng hóa của mình bảo đảm trung thực, chính xác, tuân thủ các quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hàng hóa sản xuất tại Việt Nam hoặc các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia.***

***2. Xuất xứ hàng hóa ghi trên nhãn thể hiện bằng một trong các cụm từ sau: “sản xuất tại”; “chế tạo tại”; “nước sản xuất”; “xuất xứ”; “sản xuất bởi”; “sản phẩm của” kèm tên nước hoặc vùng lãnh thổ sản xuất ra hàng hóa hoặc ghi theo quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa.***

***3. Trường hợp hàng hóa không xác định được xuất xứ theo quy định tại khoản 1 Điều này thì ghi nơi thực hiện công đoạn cuối cùng để hoàn thiện hàng hóa. Thể hiện bằng một trong các cụm hoặc kết hợp các cụm từ thể hiện công***

đoạn hoàn thiện hàng hóa như sau: “lắp ráp tại”; “đóng chai tại”; “phối trộn tại”; “hoàn tất tại”; “đóng gói tại”; “dán nhãn tại” kèm tên nước hoặc vùng lãnh thổ nơi thực hiện công đoạn cuối cùng để hoàn thiện hàng hóa.

4. Tên nước hoặc vùng lãnh thổ sản xuất ra hàng hóa hoặc nơi thực hiện công đoạn cuối cùng để hoàn thiện hàng hóa không được viết tắt.”

Như vậy, dù “Xuất xứ hàng hóa” là một nội dung bắt buộc cần thể hiện trên nhãn hàng hóa, việc xác định và ghi xuất xứ hàng hóa trên nhãn hàng hóa do thương nhân tự thực hiện xác định và ghi, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hàng hóa sản xuất tại Việt Nam.

Bất cập vẫn xảy ra khi việc xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu hiện được quy định tại Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn thực hiện của Bộ Công Thương. Tuy nhiên, các văn bản pháp luật hiện hành chưa có quy định về xuất xứ hàng sản xuất tại Việt Nam, do đó, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi muốn xác định xuất xứ và cơ quan chức năng không có căn cứ để phân xử khi phát hiện các trường hợp có dấu hiệu vi phạm.

### **3. Quy định về xuất xứ hàng hoá sản xuất tại Việt với một số lĩnh vực đặc thù**

#### **3.1. Quy định về hàng hóa có xuất xứ Việt Nam trong lĩnh vực đấu thầu:**

Theo Luật Đấu thầu năm 2023 và Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, “hàng hóa có xuất xứ Việt Nam” là một trong những đối tượng được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu. Cụ thể, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP đưa ra công thức xác định xuất xứ Việt Nam của hàng hóa để được hưởng ưu đãi trong hoạt động đấu thầu như sau:

#### **“Điều 5. Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam**

...

5. Hàng hóa lưu thông trong nước có xuất xứ Việt Nam (hàng hóa sản xuất tại Việt Nam) được hưởng ưu đãi như sau:

a) Đối với sản phẩm phần mềm công nghệ thông tin:

Tiêu chí xác định sản phẩm phần mềm công nghệ thông tin sản xuất trong nước được hưởng ưu đãi thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, không yêu cầu về hàm lượng chi phí sản xuất trong nước theo quy định tại điểm b khoản này;

b) Đối với các hàng hóa khác ngoài quy định tại điểm a khoản này:

*Việc xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam có thể áp dụng công thức trực tiếp hoặc công thức gián tiếp sau:*

Công thức trực tiếp:  $D (\%) = G^*/G \times 100\%$

Công thức gián tiếp:  $D (\%) = (G - C)/G \times 100\%$

Trong đó:

$G^*$ : Là chi phí sản xuất trong nước;

$G$ : Là giá chào của hàng hóa trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trừ đi giá trị thuế; đối với nhà thầu là nhà sản xuất thì  $G$  là giá xuất xưởng (giá EXW) của hàng hóa;

$C$ : Là giá trị của các chi phí nhập ngoại, không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu;

$D$ : Là tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa.  *$D \geq 30\%$  thì hàng hóa đó được hưởng ưu đãi theo quy định tại Điều này và các Điều 6, 7, 8, 9, 10 của Nghị định này.*

Như vậy, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP đã đưa ra được công thức để xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, tuy nhiên công thức này mang tính đặc thù áp dụng để xác định ưu đãi trong hoạt động lựa chọn nhà thầu, không phù hợp để áp dụng rộng rãi đối với việc xác định xuất xứ hàng hóa Việt Nam đối với các hàng hóa khác tham gia lưu thông trên thị trường và mục đích ghi nhãn hàng hóa.

### **3.2. Các quy định có liên quan khác**

Như đã nêu ở trên, hiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam chưa có quy định điều chỉnh việc hàng hóa được ghi nhãn sản xuất tại Việt Nam. Các quy định hiện hành dù đang được hoàn thiện để phù hợp với thực tế sản xuất và kinh doanh hàng hóa tại Việt Nam nhưng phạm vi điều chỉnh chủ yếu là nhãn hàng hóa, chỉ dẫn địa lý và thương hiệu.

Về chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm, các quy định được đề cập tại Luật Sở hữu trí tuệ, Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp và các Thông tư liên quan. Theo quy định tại các văn bản nêu trên, một chỉ dẫn địa lý được bảo hộ cho sản phẩm nếu sản phẩm đó có nguồn gốc địa lý, danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu của vùng lãnh thổ tương ứng với chỉ dẫn địa lý đó. Đây là quy định về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với một sản phẩm cụ thể từ một vùng lãnh thổ xác định, không quy định ghi nhãn hàng hóa sản xuất tại Việt Nam nói chung.

Về thương hiệu hàng Việt Nam, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 984/QĐ-BCT ngày 06 tháng 3 năm 2012 kèm theo quy chế xây dựng và thực hiện

Chương trình Thương hiệu quốc gia. Quyết định số 984/QĐ-BCT nêu trên có tiêu chí để hàng hóa được gắn mác “Viet Nam Value” (Giá trị Việt Nam) nhằm quảng bá tên thương mại, chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu hàng hóa của Việt Nam trên thị trường trong và ngoài nước.

Với sự ra đời của Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa (thay thế Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 trước kia), Việt Nam đã có hành lang pháp lý về xuất xứ hàng hóa. Quy định hiện hành là căn cứ để xác định “hàng hóa có xuất xứ Việt Nam”, được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) hoặc chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa của Việt Nam nhằm hưởng ưu đãi thuế quan hoặc phi thuế quan khi xuất khẩu sang thị trường mà Việt Nam có cam kết quốc tế. Trên cơ sở cam kết quốc tế và Luật Quản lý ngoại thương, Chính phủ ban hành Nghị định số 31/2018/NĐ-CP nêu trên với phạm vi điều chỉnh về xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, xuất xứ hàng hóa nhập khẩu.

Theo mục tiêu quản lý nhà nước đặc thù của các Bộ ngành, các văn bản nêu trên tập trung vào quy định về yêu cầu ghi nhãn hàng hóa, bảo hộ chỉ dẫn địa lý và xây dựng thương hiệu Việt Nam. Quy định hiện hành chưa có bộ tiêu chí để xác định như thế nào là hàng hóa được ghi nhãn sản xuất tại Việt Nam.

Do chưa có quy định về tiêu chí ghi nhãn nước sản xuất hàng hóa, khái niệm “hàng hóa Việt Nam” có thể được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau: (a) hàng hóa có xuất xứ Việt Nam để hưởng ưu đãi thuế quan theo cam kết hội nhập kinh tế quốc tế hoặc (b) hàng hóa có công đoạn sản xuất tại Việt Nam hoặc (c) hàng hóa có thương hiệu của Việt Nam. Các khái niệm này tuy khác nhau nhưng thường bị nhầm lẫn.

Xuất phát từ thực tiễn trong nước và thế giới nêu trên, việc xây dựng quy định về hàng hóa được ghi nhãn sản xuất tại Việt Nam là cần thiết nhằm tạo hành lang pháp lý với mục tiêu phòng chống gian lận thương mại về xuất xứ hàng hóa và bảo vệ người tiêu dùng. Qua trao đổi giữa Bộ Công Thương với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và một số Hiệp hội ngành hàng, trước mắt, việc ghi nhãn sản xuất tại Việt Nam nên được áp dụng trên nguyên tắc tự nguyện, tự kê khai. Tuy nhiên, khi cá nhân, tổ chức thực hiện ghi nhãn sản xuất tại Việt Nam, hàng hóa bắt buộc phải đáp ứng tiêu chí và phải chứng minh việc đáp ứng tiêu chí đó khi được yêu cầu. Trong trường hợp cá nhân, tổ chức ghi công đoạn sản xuất tại Việt Nam thì phải chứng minh được việc hàng hóa trải qua công đoạn sản xuất, gia công có phát sinh giá trị tại Việt Nam.

Hoàn thiện thể chế pháp lý về ghi nhãn sản xuất "Made in Viet Nam" đang là một nhu cầu cấp bách và là cơ sở để sản phẩm, hàng hóa Việt Nam sẽ tự tin

hơn nữa khẳng định chất lượng, chỗ đứng trong lòng người tiêu dùng Việt Nam và thế giới.

#### **4. Đánh giá quy định ghi nhãn về xuất xứ hàng hoá tại Việt Nam**

Quy định ghi nhãn về xuất xứ hàng hoá tại Nghị định số 111/ 2021/NĐ-CP là một trong những nội dung bắt buộc trên nhãn. Các cụm từ thể hiện xuất xứ đã được mở rộng so với tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP. Trường hợp hàng hoá có xuất xứ Việt Nam, một trong số cách thể hiện xuất xứ Việt Nam đó là “hàng hoá sản xuất tại Việt Nam”. Như vậy, cách thể hiện “hàng hoá sản xuất tại Việt Nam” hay “Sản phẩm của Việt Nam” là một trong những cách thể hiện xuất xứ hàng hoá trên nhãn hàng hoá. Hay nói cách khác, sau khi xác định được hàng hoá có xuất xứ Việt Nam thì theo quy định tại Nghị định 111/2021/NĐ-CP, trên nhãn hàng hoá có thể thể hiện các cụm từ như “Hàng hoá sản xuất tại Việt Nam” (hay “Sản phẩm của Việt Nam” mà hiện nay hay được thể hiện bằng các cụm từ tiếng Anh rất phổ biến đó là “Made in Vietnam” hay “Product of Việt Nam”).

Tuy nhiên, vướng mắc tại Nghị định số 43 vẫn chưa được giải quyết tại Nghị định số 111 đó là cho tới nay, Việt Nam đã ban hành nhiều quy định về xuất xứ hàng hóa, trong đó có việc như thế nào thì một sản phẩm được coi là có xuất xứ Việt Nam. Tuy nhiên, các quy định này mới chỉ áp dụng cho hàng xuất khẩu và hàng nhập khẩu, giúp hàng hóa được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu theo cam kết tại các hiệp định thương mại tự do hoặc phục vụ các mục tiêu khác của quản lý ngoại thương. Với hàng hóa sản xuất trong nước, bao gồm cả hàng hóa sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu và sau đó lưu thông trong nước, hiện chưa có quy định như thế nào thì được thể hiện "Sản phẩm của Việt Nam" hay "Sản xuất tại Việt Nam".

### **III. Bất cập trong xác định và thể hiện xuất xứ hàng hóa sản xuất tại Việt Nam**

#### **1. Tổ chức, cá nhân lúng túng khi xác định xuất xứ hàng hóa lưu thông trong nước**

Mặc dù khoản 1, Điều 15 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP cho phép tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu tự xác định và tự ghi xuất xứ đối với hàng hóa của mình, việc thiếu vắng các quy định về việc như thế nào thì một sản phẩm được coi là "Sản phẩm của Việt Nam" hay "Sản xuất tại Việt Nam" đã khiến nhiều tổ chức, cá nhân lúng túng khi muốn ghi chính xác nước xuất xứ trên nhãn sản phẩm theo quy định của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP. Dưới đây là một số trường hợp điển hình doanh nghiệp gặp vướng mắc trong việc xác định xuất xứ hàng hóa lưu thông trong nước:

- Trường hợp 1: Công ty thực hiện lắp ráp một số mặt hàng điện tử với linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài và/ hoặc mua trong nước với tỷ lệ là 90%. Trong đó, đối với sản phẩm tivi, công ty thực hiện thiết kế sản phẩm, thiết kế bo mạch điện tử, hiệu chỉnh phần mềm, xây dựng ứng dụng cho sản phẩm, sau đó mua linh kiện từ nhà cung cấp hoặc nhập khẩu để lắp ráp tại Việt Nam. Với quy trình sản xuất như vậy, khi các sản phẩm được bán, tiêu thụ và bảo hành tại thị trường Việt Nam thì công ty cần ghi xuất xứ trên sản phẩm như thế nào?

- Trường hợp 2: Công ty thực hiện nhập khẩu màng lọc RO, là linh kiện trong sản phẩm máy lọc nước RO của Công ty, từ Mỹ và tiến hành đóng gói, tạo sản phẩm hoàn chỉnh tại nhà máy sản xuất tại Việt Nam. Sản phẩm được bán tại thị trường Việt Nam có cấu thành như sau: màng lọc RO nhập khẩu (86,3%), vỏ màng bọc nhập khẩu (12,2%), còn lại là chi phí sản xuất tại Việt Nam (nhân công, máy móc, đóng gói...). Với tỷ lệ cấu thành như trên của màng lọc RO thì công ty sẽ thông tin xuất xứ Mỹ hay Việt Nam trên bao bì và tem nhãn sản phẩm khi sản phẩm được bán tại thị trường Việt Nam?

- Trường hợp 3: Công ty sản xuất đồ chơi trẻ em để bán tại thị trường Việt Nam. Công đoạn cắt, may đầu tiên được thực hiện tại Trung Quốc, sau đó nhập khẩu về Việt Nam và nhà máy sản xuất tại Việt Nam thực hiện tiếp các công đoạn may, khâu, đính nhãn, nhồi bông, lộn bề mặt sản phẩm, khâu phần móc.... Với những công đoạn thực hiện ở Việt Nam như vậy thì sản phẩm đồ chơi của công ty có thể được xác định và gắn nhãn "Made in Viet Nam" không? Nếu không đáp ứng để được gắn nhãn "Made in Viet Nam" thì công đoạn nào trong quy trình sản xuất bắt buộc phải thực hiện tại Việt Nam? Tỷ lệ giá trị nội địa của sản phẩm đạt trên 30% thì có được ghi nhãn "Made in Viet Nam" không?

Bộ Công Thương nhận được các văn bản của doanh nghiệp (Công ty Cổ phần KAROFI Việt Nam, Công ty TNHH Enplas Việt Nam, Công ty Cổ phần Kooda Việt Nam, Công ty Ajinomoto Việt Nam, Tập đoàn Hòa Phát, Tập đoàn Tôn Hoa



Sen, Công ty TNHH Khoáng sản Transcend Việt Nam, Công ty TNHH Điện tử Saza Việt Nam, Công ty Cổ phần Tập đoàn y dược công nghệ cao T&T, Công ty TNHH BASF Việt Nam, Công ty Cổ phần Thông Minh MK, Công ty Cổ phần Kềm Nghĩa, Công ty TNHH Rinnai Việt Nam...) và các Hiệp hội ngành hàng (như Hiệp hội Sữa Việt Nam, Hiệp hội Cơ khí Việt Nam, Hội Thương mại Đài Loan tại Đà Nẵng...) đề nghị hướng dẫn việc xác định hàng hóa của doanh nghiệp có được phép dán nhãn hàng hóa sản xuất tại Việt Nam hay không. Tuy nhiên, hiện không có cơ sở pháp lý để hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp mà chỉ có thể hướng dẫn doanh nghiệp tự xác định và tự chịu trách nhiệm theo nguyên tắc tại Điều 15 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP.

## **2. Cơ quan chức năng không có cơ sở để xử lý vi phạm**

Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng dù chỉ trải qua các công đoạn gia công, lắp ráp, chế biến đơn giản tại Việt Nam nhưng cũng gắn nhãn "Sản xuất tại Việt Nam" khiến người tiêu dùng thắc mắc, thậm chí bức xúc nhưng các cơ quan chức năng lại không có căn cứ để phân xử.

Trường hợp điển hình như vụ việc xảy ra vào cuối năm 2017, lực lượng quản lý thị trường đã phát hiện trong cửa hàng của hệ thống Khai Silk có việc giả mạo xuất xứ, cụ thể là hàng khăn lụa Trung Quốc thay thành mác "Made in Viet Nam". Báo cáo kiểm tra của Bộ Công Thương cũng phát hiện khăn lụa Khaisilk không có thành phần silk như công bố. Theo thống kê của hải quan, trong 03 năm (2006 - 2009) Khai Đức - công ty quản lý thương hiệu Khaisilk nhập khẩu các sản phẩm thời trang từ Trung Quốc và Thái Lan. Trước sự việc trên, ông Hoàng Khải - Chủ tịch Tập đoàn Khaisilk sau đó đã thừa nhận với truyền thông "bán 50% lụa 'made in China' trong hệ thống của mình".

Một trường hợp khác là Công ty Cổ phần Tập đoàn Asanzo nhập khẩu các linh kiện điện tử từ Trung Quốc về Việt Nam lắp ráp, sau đó đưa ra thị trường Việt Nam với nhãn mác ghi xuất xứ Việt Nam. Thực chất, Công ty Cổ phần Tập đoàn Asanzo có tiến hành công đoạn lắp ráp các sản phẩm điện tử tại nhà máy sản xuất ở Việt Nam. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2, Điều 15 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP, Công ty tự xác định xuất xứ và tự chịu trách nhiệm về ghi nước xuất xứ trên nhãn hàng hóa. Tuy nhiên, do pháp luật hiện hành không có quy định về các tiêu chí dùng để xác định xuất xứ hàng hóa lưu thông trong nước. Do vậy, cơ quan chức năng không có cơ sở để xác định việc ghi nhãn xuất xứ Việt Nam của Công ty Tập đoàn Asanzo là có vi phạm hay không khi chỉ tiến hành lắp ráp đơn giản tại Việt Nam.

Quy định về ghi nhãn hàng hóa đã nhận được sự ủng hộ của đông đảo người tiêu dùng và các doanh nghiệp, góp phần vào việc xây dựng và duy trì một môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng, bảo đảm các quyền cơ bản của người tiêu dùng. Tuy nhiên, việc thiếu vắng các quy định về việc như thế nào thì một

sản phẩm được coi là "Sản phẩm của Việt Nam" hay "Sản xuất tại Việt Nam" khi lưu thông tại thị trường trong nước đã tạo ra những hệ lụy nhất định đối với hoạt động sản xuất, thương mại cũng như xã hội Việt Nam. Cụ thể:

- Các tổ chức, cá nhân có thể vô tình hoặc cố ý xác định xuất xứ hàng hóa Việt Nam không chính xác. Việc xác định xuất xứ không chính xác có thể ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như niềm tin của người tiêu dùng đối với hàng hóa Việt Nam. Không những vậy, hàng hóa giả mạo xuất xứ Việt Nam làm giảm sức cạnh tranh của hàng hóa có xuất xứ Việt Nam, được sản xuất tại Việt Nam ngay trên thị trường trong nước.

- Quy định ghi nhãn xuất xứ theo khoản 2, Điều 15 của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP không phản ánh chính xác quy trình sản xuất theo thực tiễn thương mại hiện nay, vì vậy không đáp ứng được nhu cầu thể hiện của doanh nghiệp. Hơn nữa, Nghị định số 43/2017/NĐ-CP chỉ quy định về nhãn hàng hóa. Trong khi đó, thực tiễn thương mại cho thấy nhu cầu thể hiện hàng hóa sản xuất tại Việt Nam của doanh nghiệp còn áp dụng trong các hoạt động thương mại khác như quảng cáo, quảng bá, đầu tư, ... hay trên các chứng từ thương mại đi kèm với hàng hóa.

- Đối với những trường hợp có thể nhận thấy sự vi phạm rõ ràng về xuất xứ hàng hóa như Khaisilk hay Asanzo, nhưng cơ quan quản lý nhà nước lại không đủ cơ sở pháp lý để xử lý các vi phạm. Hơn nữa, việc xác định xem hàng hóa có xuất xứ Việt Nam theo như doanh nghiệp tự xác định hay không cần phải có sự phối hợp của các bộ, ngành, tổ chức liên quan. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc xác định xuất xứ cũng chưa được xác định rõ ràng, do vậy gây khó khăn trong việc xác định xuất xứ hàng hóa lưu thông trong nước.

Có thể nhận thấy, việc thiếu quy định cụ thể để xác định và thể hiện hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đối với hàng hóa lưu thông trong nước là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng gian lận xuất xứ và bất cập trong việc xác định xuất xứ như đã nêu trên. Nếu không được quy định, bổ sung kịp thời, việc thiếu vắng trong hệ thống pháp luật có thể gây ra những hệ lụy, hệ quả phức tạp, ảnh hưởng đến kinh tế cũng như đời sống xã hội của người dân.

Từ những vấn đề nêu trên cho thấy việc xây dựng quy định về cách xác định hàng hoá Sản xuất tại Việt Nam là hết sức cần thiết. Quy định này khi được ban hành sẽ tạo hành lang pháp lý vững chắc trong lĩnh vực xuất xứ hàng hóa và ghi xuất xứ hàng hóa tại Việt Nam.

## KẾT LUẬN

Thực trạng các vấn đề liên quan đến việc xác định hàng hoá sản xuất tại Việt Nam có những vấn đề đáng lưu ý như sau:

Hiện nay, Việt Nam đã có Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về Nhãn hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Theo quy định này, mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa tại Việt Nam hoặc nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam đều phải ghi nhãn hàng hóa, trừ một số trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 1 của Nghị định. Điều 10 Nghị định 43 quy định nhãn hàng hóa bắt buộc phải thể hiện một số nội dung, trong đó có xuất xứ của hàng hóa. Điều 15 Nghị định 43 yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu từ xác định và tự ghi xuất xứ đối với hàng hóa của mình trên nguyên tắc bảo đảm trung thực, chính xác và tuân thủ các quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa hoặc các Hiệp định mà Việt Nam đã ký kết và tham gia.

Theo cam kết tại các Hiệp định thương mại tự do hoặc phục vụ các mục tiêu khác quản lý ngoại thương, Việt Nam đã ban hành nhiều quy định về xuất xứ hàng hóa áp dụng cho hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu, giúp hàng hóa được hưởng ưu đãi thuế quan nhập khẩu. Đối với sản phẩm, hàng hóa được sản xuất và sau đó lưu thông tại Việt Nam, văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa có quy định tiêu chí để được ghi nhãn xuất xứ Việt Nam. Do đó, nhiều tổ chức và cá nhân lúng túng khi muốn ghi chính xác nước xuất xứ trên nhãn sản phẩm theo quy định của Nghị định 43.

Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng nhập khẩu dù chỉ trải qua các công đoạn gia công, lắp ráp, chế biến đơn giản tại Việt Nam nhưng cũng gắn nhãn "sản xuất tại Việt Nam" khiến người tiêu dùng thắc mắc, thậm chí bức xúc nhưng các cơ quan chức năng lại không có căn cứ để phân xử.

Vì vậy, để khắc phục tình trạng trên, việc xây dựng và ban hành quy định để xác định thế nào là hàng hoá được sản xuất tại Việt Nam, nhằm mục đích ghi nhãn theo Nghị định 43 và Nghị định 111 của Chính phủ là hết sức cần thiết để bảo vệ lợi ích người tiêu dùng, gia tăng sức cạnh tranh cho hàng hoá có xuất xứ Việt Nam chân chính.